

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2020/HS-ST
Ngày 17-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Lam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vi Văn Cẩm;

Bà Phạm Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lô Quốc Át- Thư ký Toà án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tương Dương tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hoài- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 86/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: L Th L, tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 23 tháng 10 năm 1990 tại huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Bản D, xã L M, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông L V Ch và bà Ng Th T; Bị cáo có chồng V Kh L và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 24 tháng 6 năm 2020 đến nay. Có mặt.

2. Họ và tên: L X D, tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 27 tháng 03 năm 1989 tại huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Bản Ph, thị trấn Th G, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông L Th D (Đã chết) và bà X Th N; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 24 tháng 6 năm 2020 đến nay. Có mặt.

- Người chứng kiến:

+Anh T Th T. Vắng mặt không có lý do

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Bà Hoàng Thị Hà- Trợ giúp viên thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nghệ An (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 23/6/2020, L Th L mua 01 gói hồng phiến của một người đàn ông lạ mặt tại bản D, xã L M, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An với giá 1.000.000 đồng. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày L gọi điện cho L X D về việc L xuống thị trấn Th G, huyện Tương Dương chơi và hẹn gặp nhau vào lúc 02 giờ ngày 24/6/2020 tại nhà nghỉ Hiền Nga 2. Sau đó, như đã hẹn, L Th L và L X D đến gặp nhau rồi cùng thuê phòng số 27 nhà nghỉ Hiền Nga 2 thuộc khối H T, thị trấn Th G, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An để ngủ. Đến 09 giờ ngày 24/6/2020, L X D thức dậy và đi vào nhà vệ sinh, còn L Th L thức dậy rồi mở gói hồng phiến lấy một ít ra gói vào bao potylen màu đen, số hồng phiến còn lại L cất giấu vào túi áo. Sau khi L X D đi từ nhà vệ sinh ra, L Th L đưa cho D gói hồng phiến được gói bằng bao potylen màu đen và nói: *“Cho anh một ít hồng phiến cầm lấy mà sử dụng”*. L X D cầm lấy gói hồng phiến L đưa và cất vào túi quần đang mặc thì bị Công an huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An vào kiểm tra phát hiện bắt quả tang thu giữ trong túi quần bên phải của L X D đang mặc 01 bao potylen màu đen bên trong đựng viên nén màu hồng, thu giữ trong túi áo bên phải của L Th L đang mặc 01 bao potylen màu xanh bên trong đựng viên nén màu hồng.

Kết luận giám định số 937/KL-PC09(Đ2-MT) ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận: Mẫu viên nén màu hồng (ký hiệu M1 và M2) thu giữ của L Th L và L X D gửi tới giám định đều là ma túy (Methamphetamine). Số viên nén màu hồng thu giữ của L Th L có tổng khối lượng là 13,2 (*mười ba phẩy hai*) gam; số viên nén màu hồng thu giữ của L X D có tổng khối lượng là 02 (*hai*) gam.

Bản cáo trạng số 89/CT-VKS-TD ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tương Dương đã truy tố L Th L về tội: *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”* theo điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự. Truy tố L X D về tội: *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”* theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố của Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với L Th L; điểm c khoản 1 Điều 249, các điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với L X D để xử phạt các bị cáo: L Th L từ 06 năm đến 07 năm tù, L X

D từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, Miễn án phí hình sự sơ thẩm và hình phạt bổ sung cho các bị cáo, xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa không có ý kiến gì tranh luận với bản luận tội và đề xuất Hội đồng xét xử xem xét đến sự nhận thức pháp luật và nơi cư trú ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn của các bị cáo áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để lên mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên đối với bị cáo.

Các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến gì tranh luận và bào chữa bổ sung. Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo L Th L, L X D đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người chứng kiến đã được công bố công khai tại phiên tòa, phù hợp với biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ. Vì vậy có đủ cơ sở để kết luận: Vào hồi 09 giờ 00 phút ngày 24/6/2020, tại phòng số 27 nhà nghỉ Hiền Nga 2 thuộc khối Hòa Tây, thị trấn Th G, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, L Th L tàng trữ trái phép 15,2 gam Methamphetamine, L X D có hành vi tàng trữ trái phép 02 gam Methamphetamine. Hành vi các bị cáo đã thực hiện và khối lượng vật chứng thu được từng bị cáo đã cấu thành tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đối với bị cáo L phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng khối lượng chất ma túy đã thu được từ bị cáo và bị cáo D quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo D do không biết sau khi L đã cho mình số ma túy để dùng thì L đang còn tàng trữ trái phép một lượng ma túy khác cho nên phải chịu trách nhiệm

hình sự tương ứng với 02 gam Methamphetamine mà bị cáo đã tàng trữ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Như vậy quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tương Dương đối với các bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ hậu quả của vụ án: Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự đã cố ý thực hiện tội phạm nghiêm trọng xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương và là một trong những nguyên nhân gây nên các tệ nạn xã hội và tội phạm. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian nhất định để nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Đây là vụ án có nhiều người tham gia thực hiện tội phạm với tính chất đồng phạm giản đơn nên cần phân hóa vai trò của từng người để áp dụng hình phạt sát đúng.

L Th L là người khởi xướng, sử dụng tiền và dùng phương tiện của mình để đi mua, chủ động thuê địa điểm, cho bị cáo D chất ma túy tàng trữ trái phép cho nên phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án và cấu thành tội danh ở tình tiết định khung tăng nặng như lời luận tội của kiểm sát viên là hoàn toàn có căn cứ và phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo D là thỏa đáng.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thái độ khai báo của các bị cáo là thành khẩn, ăn năn hối cải. Bị cáo L hiện có chồng đang chấp hành án phạt tù cùng nhóm tội danh mà bị cáo bị đưa ra xét xử lần này cũng là lao động chính trong gia đình tuy đây không phải là tình tiết giảm nhẹ nhưng cũng cần phải cân nhắc đến hoàn cảnh của bị cáo. Hình phạt mà kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo L là quá nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự và lượng hình ở mức thấp hơn đề nghị của kiểm sát viên cũng đảm bảo tính răn đe của hình phạt.

Riêng bị cáo L X D ngoài thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải còn là người có thành tích xuất sắc trong học tập và có Bố đẻ của là người có công trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc cho nên Hội đồng xét xử áp dụng các điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự lượng hình ở mức thấp nhất theo lời đề nghị của kiểm sát viên là thỏa đáng.

Luận cứ mà người bào chữa đưa ra để đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng với từng bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận.

[6] Hình phạt bổ sung: Kết quả xác minh tài sản của các bị cáo chỉ đủ duy trì cuộc sống thiết yếu hàng ngày và không có tài sản nào được tạo lập từ việc

phạm tội nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, người bào chữa miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo L Th L không rõ lai lịch nên cơ quan cảnh sát điều tra chưa có cơ sở để điều tra làm rõ.

Anh T Th T là người đã cho các bị cáo thuê địa điểm để nghỉ nhưng không biết các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên hành vi của anh không cấu thành tội phạm.

[7] Xử lý vật chứng: Tiêu hủy vật chứng còn lại của vụ án

[8] Án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên, người bào chữa. Quyền kháng cáo bản án của các bị cáo được thực hiện theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 249 Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố các bị cáo L Th L, L X D phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

- Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với L Th L.

- Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với L X D.

- Xử phạt: L Th L **05 (Năm)** năm 06 (**Sáu**) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/6/2020.

- Xử phạt: **L X D 01 (Một)** năm 06 (**Sáu**) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/6/2020.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự .

Tiêu hủy vật chứng còn lại của vụ án (Đặc điểm và tình trạng vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng số 83 ngày 12.8.2020 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An);

- Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo L và bị cáo D.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 17/9/2020.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh NA;
- VKSND huyện Tương Dương;
- Công an huyện Tương Dương;
- Bị cáo, Trại tạm giam;
- Người bào chữa;
- Sở Tư Pháp tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Tương Dương;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Lam